

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

↓ **Công bố tại:**

- Trang điện tử của CTCP dược Medipharco theo địa chỉ:  
<http://www.medipharco.com.vn>
- Trang điện tử của Ủy ban chứng khoán nhà nước:  
<http://www.congbothongtin@ssc.gov.vn>

↓ **Báo cáo trong Hồ sơ công bố thông tin gửi đến:**

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thành phố Huế, ngày 01/04/2020

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO NĂM 2019

### I. Thông tin chung:

#### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch/ *Trading name*: Công ty cổ phần dược Medipharco
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: *Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3300101406 – đăng kí thay đổi lần thứ 10 do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/01/2019; Đăng kí lần đầu do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 18 /01/2006*
- Vốn điều lệ: **65.983.670.000 VNĐ**
- *Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 0 ĐVN*
- Địa chỉ: *Số 08 Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, Thành phố Huế- Tỉnh Thừa Thiên Huế .*
- Điện thoại : (84) 0234.3832814, 3823099, 3827215
- FAX : (84) 0234.3826077
- E-mail : [mediphar@dng.vnn.vn](mailto:mediphar@dng.vnn.vn)
- Website [www.medipharco.com/](http://www.medipharco.com/) [www.medipharco.com.vn](http://www.medipharco.com.vn)
- Mã cổ phiếu (nếu có: MTP)

#### a. Quá trình hình thành và phát triển.

- ✦ **Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)**

Công ty Dược TW Huế nguyên là Công ty Dược phẩm tỉnh Thừa Thiên Huế được thành lập Ngày 08 tháng 4 năm 1976 sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng -thống nhất đất nước, đã trải qua nhiều thời kỳ với các tên gọi khác nhau: Xí nghiệp Liên hiệp Dược Bình - Trị - Thiên, Xí nghiệp LH Dược Thừa Thiên Huế, Công ty Dược Thừa Thiên Huế.

Năm 1999 được Bộ Y Tế ra quyết định số 340/1999/QĐ-BYT ngày 02/09/1999 tiếp nhận Công ty Dược Phẩm TT.Huế vào làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dược Việt Nam thuộc Bộ Y Tế và đổi tên thành Công ty Dược TW Huế , tên giao dịch là MEDIPHARCO, ngành nghề SẢN XUẤT - KINH DOANH - XUẤT NHẬP KHẨU trực tiếp thuốc chữa bệnh, nguyên liệu , hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học và thiết bị dụng cụ Y Tế.

Theo Quyết định số 4751/QĐ-BYT ngày 09/12/2005 của Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Dược TW Huế thành Công ty Cổ phần, đơn vị tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp và ngày 18/01/2006 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy phép số 3103000165 đổi tên thành Công ty cổ phần Dược TW Medipharco với số vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).

Được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (theo Quyết định 175/UBCK-GCN ngày 20/09/2007) về việc phát hành tăng vốn điều lệ, ngày 07/11/2007 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp giấy phép số 3300101406 đổi tên thành Công ty Cổ phần Dược Trung ương Medipharco - Tenamyd với số vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).

Niêm yết: trên sàn UPCOM – Sở giao dịch chứng khoán Hà nội – Mã giao dịch MTP

↓ **Các sự kiện khác:** Trong năm 2019:

- Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận Doanh nghiệp sau khi sáp nhập CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l vào CTCP dược Medipharco và được Sở Kế hoạch đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3300101406 – đăng ký thay đổi lần thứ 10 do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/01/2019; Vốn điều lệ: **65.983.670.000 VNĐ**; **Thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh sau khi sáp nhập**
- Cục Quản lý dược- Bộ y tế điều chỉnh tên công ty trên giấy chứng nhận GMP từ CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l thành CTCP dược Medipharco sau khi sáp nhập Doanh nghiệp
- Cục Quản lý dược- Bộ y tế Quyết định v/v Cấp giấy chứng nhận „Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc” cho CTCP dược Medipharco theo QĐ số 94/QĐ- BYT ngày 26/2/2019
- Bộ y tế Quyết định v/v Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho CTCP dược Medipharco theo QĐ số 1061/QĐ- BYT ngày 22/3/2019
- Cục Quản lý dược- Bộ y tế Quyết định v/v Cấp giấy chứng nhận „Thực hành tốt bảo quản thuốc” cho CTCP dược Medipharco theo QĐ số 229/QĐ-QLD ngày 30/3/2019

2. **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

a. **Ngành nghề kinh doanh:** Theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 03/01/2019 như sau:

TT	Ngành nghề	Mã ngành
1	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất các loại thuốc; Thực phẩm chức năng; Sản xuất các sản phẩm y tế	2100

TT	Ngành nghề	Mã ngành
2	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm	2023
3	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá. Chi tiết: Sản xuất rượu Hoàng đế Minh Mạng	2825
4	Dịch vụ phục vụ đồ uống. Chi tiết: Kinh doanh rượu Hoàng đế Minh Mạng	5630
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm y tế	4669
6	Đầu tư tài chính	
7	Dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	

**b. Địa bàn kinh doanh:**

- Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Thành phố Hà Nội
- Thành phố Hồ Chí Minh

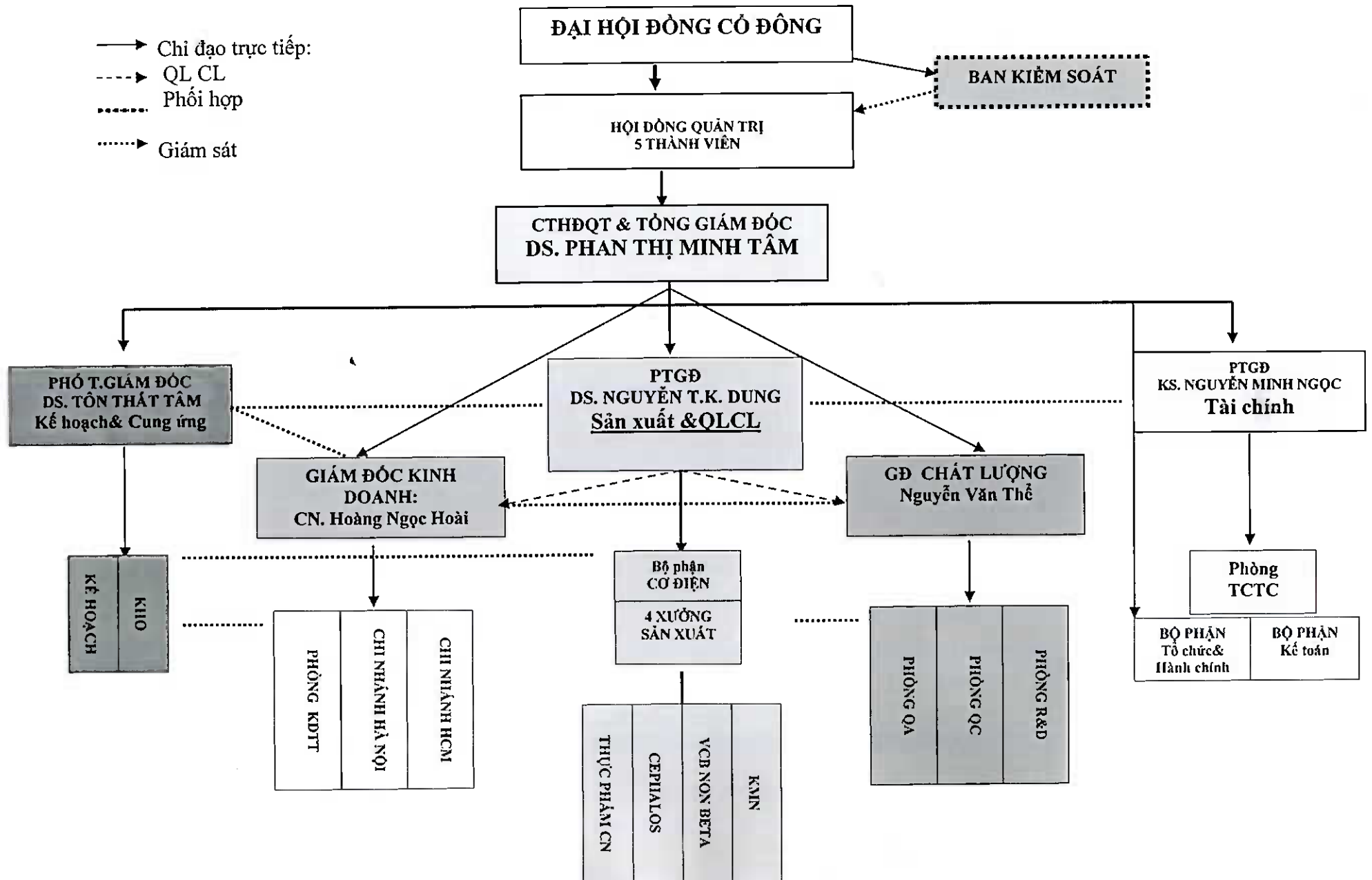
**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.**

a. Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý:

↓ Sơ đồ tổ chức của công ty: Từ tháng 1/1/2019 thay đổi như sau:

1406  
GTY  
NDU  
HAR  
HAT

1.1/ SƠ ĐỒ TỔNG THỂ TỔ CHỨC NHÂN SỰ TỪ NGÀY 1/1/2019 ĐẾN THÁNG 4/ 2020



↓ **Mô hình quản trị:**

- Đại hội Đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: Gồm có 05 người (04 người tham gia trực tiếp điều hành SXKD)
- Ban kiểm soát: Gồm có 03 người.
- Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng: Ban Tổng giám đốc Công ty có 04 thành viên

↓ **Cơ cấu Công ty gồm:**

- + Có 8 phòng chức năng gồm: Tổ chức Tài chính, Kinh doanh thị trường, Kế hoạch, Bộ phận Kho, Nghiên cứu phát triển ( R&D), Kiểm tra chất lượng( QC), Đảm bảo chất lượng(QA), Cơ điện
- + Có 2 chi nhánh trực thuộc gồm: 02 Chi nhánh tại Hà nội và Thành phố Hồ Chí Minh;
- + Có 4 nhà máy gồm: 03 nhà máy sản xuất Thuốc đạt tiêu chuẩn GMP WHO và 01 Nhà máy sản xuất thực phẩm chức năng và Rượu đạt tiêu chuẩn ATTP

b. **Các công ty con, công ty liên kết/** (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết.

- Công ty Con: Không có!
- Công ty Liên kết: Không có!

**4. Định hướng phát triển năm 2020 Và Nhiệm kỳ lần thứ 4 ( 2020-2025):**

**4.1/ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- a) **Thống nhất mở rộng Hợp tác đối tác mới** có tiềm năng về Nhân lực quản lí- Vốn- Nghiên cứu phát triển sản phẩm - Danh mục hàng sản xuất... để hợp tác đầu tư vào Medipharco nhằm mục tiêu thay đổi SX toàn diện của Medipharco từ nhân sự - tổ chức SX- quản lí hạch toán- Thiết bị- Công suất dây chuyền- Cung ứng NPL .....
- b) **Quản trị Nhân sự:**
- ❖ Thay thế bổ nhiệm cán bộ chủ chốt của DN và các bộ phận liên quan hoạt động SX-KD-QLCL- Nghiên cứu PT sau khi bầu HĐQT nhiệm kỳ 4( 2020-2025)
  - ❖ Phải thay đổi căn bản khối quản lí SX của DN để tổ chức SX- quản lí hạch toán- Thiết bị- Công suất dây chuyền theo hướng:
    - Bổ sung tăng cường cán bộ quản lí có năng lực cho Bộ phận Nghiên cứu phát triển SP mới, nghiên cứu thị trường để thay đổi căn bản Danh mục ĐK và sức cạnh tranh của nhóm sản phẩm sản xuất tại DN
    - Thay đổi cơ cấu lại nhân sự quản lí điều hành hệ thống Sản xuất để hợp lí hóa SX- giảm hao hụt – Hạ giá thành sản phẩm



- c) Phải bảo đảm giá thành nhóm hàng sản xuất tương tự đủ sức cạnh tranh như các nhà SX khác trên thị trường
- d) Khâu NC SP mới phải được ưu tiên đầu tư hợp lí theo hướng phát triển xây dựng chiến lược sản phẩm, mở rộng thị trường & thị phần phân phối; Khai thác tối đa công suất sản xuất tại các dây chuyền; Tăng công suất nhà máy nhằm tiết kiệm hạ giá thành trên nguyên tắc chất lượng SP phải bảo đảm;
- e) Có giải pháp quản trị tài chính để đáp ứng nhu cầu Vốn cho hoạt động SX-KD; Giảm tồn kho công nợ; Tăng hiệu quả lợi nhuận của DN; Bảo đảm sử dụng an toàn nguồn Vốn;

#### 4.2/ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ↓ Đầu tư Phát triển doanh nghiệp đáp ứng chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam
- ↓ Nghiên cứu lựa chọn phương án sản phẩm để tập trung đầu tư hoàn chỉnh, nâng cấp chất lượng Nhà máy sản xuất thuốc theo tiêu chuẩn GMP-WHO (Update)
- ↓ Xây dựng & củng cố Hệ thống mạng lưới kinh doanh phân phối trọng điểm tại Thành phố Hà Nội- Hồ Chí Minh và tại tỉnh Thừa Thiên Huế.
- ↓ Phối hợp toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước để nghiên cứu phát triển sản phẩm; Hợp tác mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước Châu Phi; Đông nam Á...
- ↓ Tiếp tục hợp tác có hiệu quả với đối tác chiến lược Tenamyd pharma về nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất và phân phối
- ↓ Nghiên cứu Hợp tác đầu tư thêm dây chuyền sản xuất tại Khu công nghiệp Phú Bài theo hướng đạt chuẩn quốc tế, phát triển nhóm sản phẩm công nghệ mới

#### 4.3/ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- ↓ Tập trung phát triển sản xuất Thuốc, góp phần tăng giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp, thu hút lao động ngoài xã hội; Góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng, phát triển ngành Dược Việt nam
- ↓ Xây dựng và phát triển Thương hiệu của doanh nghiệp

#### 4.4 Kế hoạch năm 2020 và Nhiệm kì 4 (2020-2025):

##### ↓ Chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2020:

TT	CHỈ TIÊU	ĐV tính	KH 2020	Ghi chú
A-	TỔNG DOANH THU	Tỷ Đ	900	
I/	Hàng Sản xuất:		174	
II/	Hàng Kinh doanh		726	
B-	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tỷ Đ	10	
C-	THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	Tỷ Đ	2	



TT	CHỈ TIÊU	ĐV		Ghi chú
		tính	KH 2020	
D-	LN SAU THUẾ:	Tỷ Đ	8	
E-	CỔ TỨC DỰ KIẾN ( VỐN ĐL # 66TỶ)	Tỷ Đ	10%	
F-	LAO ĐỘNG	Người	178	Tạm giữ như 2019
G-	Thu nhập trung bình /tháng	Triệu đ	7,7 tr đ	

✦ **Dự kiến Chỉ tiêu kế hoạch nhiệm kì 4 ( 2020-2025):**

- Doanh thu hàng sản xuất: Tăng trưởng tối thiểu 10%/năm so với 2020
- Lợi nhuận sau thuế: Tăng trưởng tối thiểu 5%/năm
- Cổ tức: Ổn định tối thiểu 10%
- Thực hiện và đạt các Mục tiêu đã xây dựng của nhiệm kì 4

**4.4/ PHƯƠNG ÁN - GIẢI PHÁP CƠ CẤU LẠI SX-KD CƠ BẢN TRỌNG TÂM 2020:**

a) Tổ chức – Lao động- Tiền lương – BHXH:

- ❖ Cơ cấu lại Nhân sự quản lí ( HĐQT- TGD- GD- Trưởng bộ phận....) từ nhiệm kì 4 ( 2020-2025) và năm 2020 đủ sức điều hành đổi mới doanh nghiệp theo hướng gọn nhẹ và mang lại hiệu quả cao nhất cho cổ đông và người lao động!
- ❖ Tạm thời để số Lao động của 2 khối Sản xuất- Kinh doanh hiện có tại 31/12/2019; Bảo đảm cơ cấu hợp lí giữa lao động trực tiếp và gián tiếp
- ❖ Cần tập trung tuyển NVTT trực tiếp tại KV CNHCM; Tuyển dụng thêm NV nghiên cứu để đáp ứng công tác phát triển SP mới
- ❖ Xây dựng & Ban hành & Đăng kí Thang bảng Lương đăng kí đóng BHXH áp dụng từ ngày 1/1/2020 theo quy định hiện hành; Nghiên cứu sửa đổi quy chế Lương nội bộ doanh nghiệp cho phù hợp

b) Ổn định và nghiên cứu giảm Giá thành , Giá bán một số nhóm hàng sản xuất với các giải pháp đồng bộ:

- ❖ Hợp tác đối tác để tăng SP mới nhằm nâng và bảo đảm tổng sản phẩm quy đổi (SPQĐ) từ năm 2020 sẽ đạt tối thiểu 25-28 triệu SP/năm để cải thiện được giá thành sản phẩm; Đồng thời có cơ chế xử lí Giá thành và các chi phí SX để đạt mục đích Giá nhóm SP MPC cạnh tranh được trên thị trường
- ❖ Tiếp tục Khảo sát & Ban hành định mức KTKT và lao động , bổ sung thêm một số thiết bị sản xuất đóng gói nhằm tăng năng lao động - giảm chi phí và hạ Giá thành

c) Nghiên cứu Giải pháp Kinh doanh và phát triển thị trường trên nguyên tắc ưu tiên phát triển kinh doanh nhóm hàng sản xuất theo hướng:

- ❖ Nắm bắt nhu cầu của thị trường và khả năng sản xuất của Cty để lập kế hoạch sản xuất hợp lý bảo đảm cung cấp đủ hàng cho hệ thống kinh doanh và giảm thiểu tồn kho.



- ❖ Chủ động xây dựng các chương trình khuyến mãi cho từng khu vực, tiến tới làm chương trình chung cho cả nước để tăng doanh số bán hàng.
- ❖ Định hướng xây dựng hệ thống kinh doanh trực thuộc thành một đầu mối tương đương với đơn vị bao tiêu hàng của công ty với các cam kết về sản phẩm- Sản lượng- Giá – Chế tài thực hiện để tạo điều kiện tăng sản lượng và hạ giá thành bảo đảm đủ sức cạnh tranh trên thị trường.
- ❖ Tuyển dụng , xây dựng và phát triển mạng lưới kinh doanh bán hàng;
- ❖ Tiếp tục cơ cấu lại hệ thống nhà thuốc, quây thuốc trực thuộc theo hướng đầu tư bổ sung đạt chuẩn mực quốc gia , đồng thời hoạt động có hiệu quả
- ❖ Bộ phận kinh doanh thị trường phải là 1 bộ phận không thể tách rời , phối hợp với bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm của Cty để nhanh chóng đăng ký thêm các sản phẩm mới làm phong phú danh mục hàng Sản xuất, tạo thêm doanh thu và lợi nhuận bền vững cho doanh nghiệp
- ❖ Tăng cường hợp tác chặt chẽ với các Nhà Phân phối bao tiêu sản phẩm và mở rộng thị trường Xuất khẩu

d) **Giải pháp về Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới 2020 :**

- ❖ Tiếp tục mục tiêu Tập trung mọi nguồn lực nghiên cứu phát triển sản phẩm mới tạo bước chuyển đổi căn bản về doanh thu& lợi nhuận; Xây dựng chiến lược sản phẩm- chiến lược thị trường đồng bộ. Khai thác tối đa công suất sản xuất tại các dây chuyền
- ❖ Tiếp tục hợp tác toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước để nghiên cứu phát triển sản phẩm;
- ❖ Triển khai thực hiện giải pháp hữu hiệu để đẩy nhanh tốc độ Nghiên cứu sản phẩm mới (NCSPM) ; Xây dựng Hồ sơ Đăng kí thuốc có chất lượng; Bảo đảm tính khả thi và hiệu quả khi triển khai sản xuất- phân phối sản phẩm
- ❖ KH sản phẩm mới 2020 như sau: 169 sản phẩm – Trong đó có 164 SP là Thuốc

e) **Hệ thống quản lí chất lượng:**

- ❖ Tiếp tục kiện toàn hệ thống quản lí chất lượng theo các chuẩn mực GPs nhằm bảo đảm kiểm soát chất lượng đầu vào – đầu ra của sản phẩm sản xuất –kinh doanh
- ❖ Đầu tư bổ sung thêm một số thiết bị trọng yếu cho Kiểm tra chất lượng và Nghiên cứu để đáp ứng yêu cầu về bảo đảm và nâng cao chất lượng hàng hóa sản xuất , phát triển sản phẩm mới tại doanh nghiệp
- ❖ Nghiên cứu tổ chức sản xuất liên tục và hợp lý nhằm tiết kiệm chi phí điện năng , giảm hao hụt, tăng công suất lao động .... Để giảm Giá thành
- ❖ Tăng cường công tác QLCL, GPs, Dược chính , Online nối mạng .... tại Khối kinh doanh trên địa bàn tỉnh TT Huế
- ❖ Lập hồ sơ đề nghị Sở Công thương TT Huế cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho xưởng rượu tại khu công nghiệp Phú Bài
- ❖ Chuẩn bị cho công tác tái kiểm tra GMP, GSP vào Quý 1/2021

4.4/ **Công tác Tài chính Kế toán:**

108  
TV  
DU  
HAR  
TAT

- ❖ Quản lý công tác Tài chính theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần. Thực hiện quy định đã ban hành tại Bộ quy chế công ty,
- ❖ Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 theo quy định
- ❖ Kí kết hợp đồng tín dụng 2020 tại các ngân hàng; Theo dõi chặt chẽ để thực hiện các điều kiện và phương án thế chấp tài sản/ công nợ/ Tồn kho hàng hóa của từng ngân hàng tại 3 khu vực nhằm đáp ứng đủ vốn cho nhu cầu SX-KD và hợp tác năm 2020
- ❖ Phân đầu hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 2020 để bảo đảm cổ tức và tái đầu tư bổ sung thiết bị nghiên cứu- Kiểm nghiệm- Sản xuất
- ❖ Áp dụng có hiệu quả phần mềm quản lý kinh tế tài chính- Hàng hóa ; Triển khai hệ thống hóa đơn điện tử trong toàn DN theo đúng lộ trình quy định của Bộ Tài chính

#### 4.6/ Thực hiện quy chế dân chủ tại Công ty:

- ❖ HĐQT, Ban TGD, Ban CHĐU, BCHCD tiếp tục phối hợp thực hiện Quy chế dân chủ đã ban hành theo nghị định 149/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 của Chính phủ.
- ❖ Tiếp tục thực hiện các công tác xã hội, từ thiện theo chủ trương của Đảng, Chính phủ và các ban ngành từ TW đến địa phương.

4.7/ Thực hiện các báo cáo năm 2019 và năm 2020 theo quy định của Công ty lưu ký chứng khoán; Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 và Bầu Hội đồng quản trị- Ban kiểm soát Nhiệm kỳ IV ( 2020-2025)

4.8 Triển khai Thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2020

#### 5. Các rủi ro:

- ✚ Các thay đổi về Nghị định- Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Dược của Bộ y tế; Quy định về Bảo hiểm y tế sẽ tác động đến chiến lược phát triển trung & dài hạn của đơn vị - đặc biệt liên quan chiến lược phát triển sản phẩm và thị trường của doanh nghiệp, làm tăng suất đầu tư và giảm lợi nhuận
- ✚ Chi phí đầu vào tiếp tục biến động tăng ( Lương, Bảo hiểm xã hội, Điện, Nước...) tác động lớn đến chi phí sản xuất và lợi nhuận của doanh nghiệp

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2019.

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### a) Trong năm 2019, Doanh nghiệp tiếp tục phải đối mặt với nhiều Khó khăn:

- Khó khăn tồn tại về cạnh tranh thị trường, bất cập của các văn bản quản lý nhà nước theo Luật Dược mới, chờ đợi ban hành các Thông tư hướng dẫn mới về đăng kí thuốc, đấu thầu, về sản xuất kinh doanh; công nợ kéo dài của hệ thống khám chữa bệnh; chi phí tài chính lớn do vốn điều lệ thấp.
- Nhân sự kinh doanh bán hàng vừa thiếu, vừa yếu, tuyển dụng khó khăn ảnh hưởng đến phát triển thị trường.

- Nhóm hàng MPC không có khả năng cạnh tranh, giá trị thấp, sản phẩm mới không có, nhiều sản phẩm đang duy trì hoặc gia hạn số đăng ký nên lúng túng trong sản xuất và phân phối.

**b) Bên cạnh đó, Doanh nghiệp cũng có một số thuận lợi:**

- Thương hiệu của Công ty ngày càng được khẳng định và phát triển trên thị trường.
- Công ty sử dụng đồng bộ các cơ sở vật chất kỹ thuật đã được đầu tư, đạt các chuẩn GPs, người lao động luôn được Công ty đào tạo bổ sung kiến thức, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh đáp ứng nhu cầu thị trường, phân phối thuốc của doanh nghiệp.
- Sự đoàn kết thống nhất, sự phối hợp lãnh đạo giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, BCH Đảng ủy, BCH Công đoàn, sự hỗ trợ đóng góp tích cực của các cổ đông là những thuận lợi hết sức cơ bản của Công ty.

**c) Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :**

Trong bối cảnh rất khó khăn như đã đề cập ở trên, Hội đồng quản trị đã tiếp tục đoàn kết phối hợp với Ban Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn , để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kì 3 (2015-2020).

Tuy nhiên, các khó khăn tồn tại khách quan trong năm 2019 cũng như nhiều năm qua làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của doanh nghiệp!

**Cụ thể:**

- ❖ Doanh số bán ra năm 2019 đạt 1.133 tỷ đồng, đạt 114 % so với kế hoạch năm.
- ❖ Lợi nhuận năm 2019:
  - Trước thuế : 9,654 Tỷ ĐVN
  - Sau thuế : 7,669 Tỷ ĐVN

**d) Những thay đổi chủ yếu trong năm :**

- Thay đổi Giấy chứng nhận Doanh nghiệp sau khi sáp nhập CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l vào CTCP dược Medipharco và được Sở Kế hoạch đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3300101406 – đăng kí thay đổi lần thứ 10 do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/01/2019; Vốn điều lệ: 65.983.670.000 VNĐ; Thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh sau khi sáp nhập; Thay đổi Điều lệ hoạt động.
- Thay đổi các Giấy chứng nhận GMP ; Giấy chứng nhận ,, Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc ; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược từ CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l thành CTCP dược Medipharco sau khi sáp nhập Doanh nghiệp

**e) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

TT	Chỉ tiêu	Đ.V tính	Thực hiện Năm 2018	KH 2019	Thực hiện 2019	So sánh thực hiện/KH
	1	2	5			6=5/4
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	990	990	1.133	114%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	-	10,081	12,5	9,654	78,72%
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1,76	2,5	1,985	
4	Chi phí thuế DN hoãn lại:		0	0	0	
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	8,318	10,	7,669	78,72%

- Tốc độ tăng trưởng về tổng doanh thu ổn định qua các năm.
- Tuy nhiên Lợi nhuận sau thuế chưa đạt chỉ tiêu đề ra do các khó khăn bất cập khách quan và chủ quan!

## 2. Tổ chức và nhân sự.

a. Danh sách Ban điều hành/ (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác:

✦ Danh sách ban điều hành:

❖ Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III Công ty CP Dược Medipharco bầu ra. Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành.
- Danh sách HĐQT như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ghi chú
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	
2	Bà: Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	
3	Ông: Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	
4	Ông Tôn Thất Tâm	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc - TP.KDĐT	
5	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập không điều hành)	Không điều hành trực tiếp tại DN

❖ Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III Công ty CP Dược Medipharco bầu ra.
- Danh sách Ban kiểm soát như sau:

<i>STT</i>	<i>HỌ VÀ TÊN</i>	<i>CHỨC VỤ</i>
1	Ông Hoàng Ngọc Hoài Phong	Trưởng ban Kiểm soát - Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh
2	Nguyễn Văn Thế	Giám đốc chất lượng
3	Trần Duy Minh	Giám đốc chi nhánh Hà nội

↓ **Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:**

- **Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**

<b>Họ và tên</b>	<b>Phan Thị Minh Tâm</b>
<b>Giới tính</b>	Nữ
<b>Ngày tháng năm sinh</b>	07/07/1956
<b>Nơi sinh</b>	Hải Phòng
<b>Số CMTND</b>	191508810 ngày cấp: 22/09/2014
<b>Quốc tịch</b>	Việt Nam
<b>Dân tộc</b>	Kinh
<b>Quê quán</b>	Phú Vang, Thừa Thiên, Huế
<b>Địa chỉ thường trú</b>	106 Nguyễn Trường Tộ, thành phố Huế
<b>Điện thoại liên lạc cơ quan</b>	054 3823 768
<b>Điện thoại di động</b>	0913425280
<b>Trình độ văn hóa</b>	10/10
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Dược sĩ đại học - CKI
<b>Trình độ lý luận</b>	Cử nhân Chính trị
<b>Quá trình công tác</b>	
Từ năm 1978 – 1979	Cán bộ Sở Y tế Bình Trị Thiên
Từ năm 1978 – 1982	Bệnh viện Đông y Bình Trị Thiên
Từ năm 1982 – 1992	Phụ trách Nghiệp vụ, 1986: Phó Giám đốc Công ty dược phẩm Tp Huế
Từ năm 1992 – 1998	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế Thừa Thiên Huế
Từ năm 2/1998 – 12/2005	Giám đốc Công ty Dược Trung ương Huế
Từ năm 01/2006 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
<b>Chức vụ hiện nay</b>	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
<b>Hành vi vi phạm pháp luật:</b>	Không
<b>Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu</b>	85.403 cổ phiếu

001  
 CÔNG  
 PH.  
 EDI  
 T.T

cá nhân	
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Nguyễn Phan Xuân Anh - con ruột	399 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

- Thành viên Hội đồng quản trị \_ Phó Tổng giám đốc

<b>Họ và tên</b>	<b>Nguyễn Thị Kim Dung</b>
<b>Giới tính</b>	Nữ
<b>Ngày tháng năm sinh</b>	06/09/1965
<b>Nơi sinh</b>	Quảng Ninh
<b>Số CMTND</b>	190813705 ngày cấp 14/3/2005
<b>Quốc tịch</b>	Việt Nam
<b>Dân tộc</b>	Kinh
<b>Quê quán</b>	Điện Hải, Phong Điền, Thừa Thiên, Huế
<b>Địa chỉ thường trú</b>	2/176 Phan Chu Trinh, Huế
<b>Điện thoại liên lạc c/quan</b>	054 3822 704
<b>Trình độ văn hóa</b>	12/12
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Dược sĩ đại học
<b>Trình độ lý luận</b>	Cao cấp chính trị
<b>Quá trình công tác</b>	
- 1987 – 1985	Công ty dược phẩm Thành phố Huế
- 1995 – 1998	Xí nghiệp Liên hiệp Dược Thừa Thiên Huế
- 1998 – 2001	Đại học Dược, trường Đại học Y Huế
- 2001- 2003	Trưởng phòng Marketing -XNK - Công ty Dược Trung ương Huế
- 2003 – 2005	Đảng ủy viên, Chủ tịch Công đoàn, Phó giám đốc Công ty Dược Trung ương Huế
- 2006 – 23/4/2017	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO, Đảng ủy viên.
- 23/4/2017 đến 31/12/2018:	Ủy viên Hội đồng quản Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO, Phó Tổng giám đốc ,Bí thư Đảng bộ, Tổng giám đốc CTCP liên doanh dược phẩm Medipharco Tenamyd BR s.r.l
- Từ 1/1/2019 đến nay	Ủy viên Hội đồng quản Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO, Phó Tổng giám đốc ,Bí thư Đảng bộ,
<b>Hành vi vi phạm pháp luật</b>	Không
<b>Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân</b>	158.382 cổ phiếu
<b>Được ủy quyền đại diện</b>	600.444 cổ phiếu (của Tổng Công ty dược Việt nam-CTCP)

114  
GT  
NDU  
HAF  
LUAT



Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Vũ Hoài Anh - con ruột	22.606 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

- Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc:

<b>Họ và tên</b>	<b>Nguyễn Minh Ngọc</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	01/02/1961
Nơi sinh	Hà Tây
Số CMTND	190080606 ngày cấp 30/8/2010
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hương Trà, Thừa Thiên – Huế
Địa chỉ thường trú	180A Trần Phú, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế
Điện thoại liên lạc c/quan	054 3822 701
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Trình độ lý luận	Sơ cấp chính trị
<b>Quá trình công tác:</b>	
- 1984 – 1989	Phòng Kế hoạch Công ty Dược Thừa Thiên Huế
- 1989 – 2005	Phòng Kế toán Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
- 2005 - 2012	Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Kế toán Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
- 2012 đến nay	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Tài chính, kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược Trung ương MEDIPHARCO
Chức vụ công tác hiện nay	Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO; Phó Tổng Giám đốc Tài chính, Kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	239.128 cổ phiếu
Người có liên quan nắm giữ CP: Lê Thị Thu – Vợ	20.014 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không



**- TVHDQT kiêm Phó TGD:**

Họ và tên	Tôn Thất Tâm
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	15/11/1964
Nơi sinh	Huế
Số CMTND	190885640 ngày cấp 08/11/2005
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phú Thượng – Phú Vang – Huế
Địa chỉ thường trú	6 Quốc Sứ Quán, thành phố Huế
Điện thoại liên lạc cơ quan	054 3823099
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Dược sỹ đại học
Trình độ lý luận	Sơ cấp chính trị
<b>Quá trình công tác</b>	
07/1987 – 1990	Kiểm soát viên Tổng kho Xí nghiệp Liên hợp Dược Bình Trị Thiên
1990 – 1992	Phó trưởng kho Tổng kho Xí nghiệp Liên hợp Dược Thừa Thiên Huế
1992 – 1993	Phó Hiệu thuốc chuyên doanh Xí nghiệp Liên hợp Dược Thừa Thiên Huế
1993 – 10/1998	Phó Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Dược phẩm Thừa Thiên Huế
10/1998 – 1/2006	Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty Dược Trung ương Huế
1/2006 – 4/8/2011	Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Kinh doanh – Thị trường Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
4/8/2011 – 23/4/2017	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh – Thị trường Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
23/4/2017- Nay	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch cung ứng, Chủ tịch Công Đoàn Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
Chức vụ công tác hiện nay	Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc kiêm CT Trưởng phòng Kế hoạch cung ứng, Chủ tịch Công Đoàn Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	45.953 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

**- TVHDQT:**

Họ và tên	<b>Nguyễn Văn Hoàng</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/10/1974
Nơi sinh	Thanh hóa
Số CMTND	012402681 ngày cấp 22/04/2011 Nơi cấp : Công an Hà nội
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thanh hóa
Địa chỉ thường trú	Phòng 2402 nhà CT1B , chung cư Nam đô , số 609 Trương Định, Phường Thịnh liệt, Quận Hoàng mai, Hà nội
Điện thoại liên lạc cơ quan	0902252729
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Trình độ lý luận	Sơ cấp
1997 - 2009	Nhân viên, Quản lý vùng, phụ trách kế toán miền bắc
2011 - 2015	Giám đốc kinh doanh mỹ phẩm
2015 - nay	Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược MP Tenamyd – Chi nhánh Hà nội ,
2012 - T12/2018	Trưởng ban kiểm soát CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco Tenamyd BR s.r.l
Từ 23/4/2018- Nay	Thành viên HĐQT Medipharco
Chức vụ công tác hiện nay	Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược Vi Anh– Chi nhánh Hà nội Thành viên HĐQT Medipharco
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	1.001.059 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát:

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2019		30/12/ 2019	
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %
A	<u>Hội đồng quản trị</u>					
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch	85.403	1,29	85.403	1,29
2	Bà: Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên	158.382	2,4	158.382	2,4
3	Ông: Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên	239.128	3,62	239.128	3,62
4	Ông Tôn Thất Tâm	Thành viên	45.953	0,70	45.953	0,70
5	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	1.001.059	15,17	1.001.059	15,17
B	<u>Ban Kiểm soát:</u>					
1	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Trưởng Ban	553.334	8,39	553.334	8,39
2	Trần Duy Minh	Thành viên	116.823	1,77	116.823	1,77
3	Nguyễn Văn Thế	Thành viên	16.751	0,25	16.751	0,25

- a. **Cơ cấu cổ đông:** Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Tỷ lệ sở hữu Đầu năm 2019	Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2019	Ghi chú
1	Cổ đông lớn ( $\geq 5\%$ )	%	57,67	57,67	VSD gửi ngày 14/2/2020
2	Cổ đông nhỏ ( $< 5\%$ )	%	42,33	42,33	
3	Cổ đông tổ chức	%	11,13%	10,53%	
4	Cổ đông cá nhân	%	88,87	89,47%	
5	Cổ đông trong nước		99,92	99,92	
6	Cổ đông nước ngoài		0,08	0,08	
7	Cổ đông Nhà nước		0%	0%	
8	Cổ đông khác			57,67	

↓ **Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: Không có!**

↓ **Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc:**

ST T	Họ tên ban Tổng Giám đốc	Chức danh	Thu nhập cá nhân (Tiền lương & Thưởng)	Lợi ích khác (Thù lao HĐQT & Thưởng 2018)
1	Phan Thị Minh Tâm	Tổng Giám đốc	389,195,000	104,000,000
3	Nguyễn Thị Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc	352,045,000	52,000,000
4	Tôn Thất Tâm	Phó Tổng Giám đốc	337,829,000	52,000,000
5	Nguyễn Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	346,645,000	52,000,000

b. Những thay đổi trong ban điều hành:

↓ **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng: Không thay đổi so với năm 2018**

- Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên - Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành.
- Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên .
- **Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng** : không thay đổi so với 2018 gồm:
  - ✓ Bà Phan Thị Minh Tâm: Tổng giám đốc:
  - ✓ Các phó tổng giám đốc:
    - + Bà Nguyễn Thị Kim Dung: Phó Tổng giám đốc Sản xuất
    - + Ông Tôn Thất Tâm – Phó Tổng giám đốc cung ứng vật tư
    - + Ông Nguyễn Minh Ngọc – Phó Tổng Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

c. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

↓ **Số lượng cán bộ công nhân viên lao động:**

↓ **Tổng số lao động có đến 31/12/2019: 176 người**

❖ Các hình thức hợp đồng hiện tại:

- Cán bộ lãnh đạo : 04 người
- Hợp đồng không xác định thời hạn : 1382 người
- Hợp đồng có thời hạn : 18 người
- Hợp đồng Khoán gọn ( Nghỉ hưu ký lại HĐ) : 16 người

1010  
ÔN  
PHÁ  
DIP  
TTT

- ❖ Cơ cấu lao động
  - Lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh : 119 người
  - Lao động phục vụ : 38 người
  - Lao động quản lý : 19 người
- ❖ Phân lại chất lượng lao động:
  - **Trên đại học : 02 người**
  - Trong đó:
    - Thạc sĩ : 01 người
    - DS CKI : 01 người
  - **Cán bộ có trình độ đại học : 68 người**
  - Trong đó:
    - Đại học dược : 39 người
    - Đại học khác : 29 người
      - ✓ Đại học khối kinh tế : 17 người
      - ✓ Đại học khối kỹ thuật : 10 người
      - ✓ Đại học ngoại ngữ : 01 người
      - ✓ Công nghệ thông tin : 01 người
  - **Cán bộ trung học,cao đẳng : 82 người**
  - Trong đó:
    - Cao đẳng : 4 người
    - Trung học dược : 74 người
    - Trung học khác: 04 người
  - **Công nhân kỹ thuật và sơ cấp dược : 24 người**
  - Trong đó:
    - Sơ cấp dược : 10 người
    - Công nhân KT Dược-TBYT : 03 người
    - Công nhân dược : 11 người

✦ Chính sách đối với người lao động:

- Công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật
- Xây dựng và thực hiện Quy chế lương trong toàn Công ty theo đúng quy định. Thu nhập bình quân năm 2019 là ??? tr đ/ người/ tháng.
- Tổ chức đào tạo (tự đào tạo, cử đi đào tạo), kiểm tra đánh giá kiến thức, tay nghề, kỹ năng hàng năm cho CBCNVLĐ.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.**

a) Các khoản đầu tư lớn:

Đầu tư 02 Thiết bị phục vụ công tác Kiểm tra chất lượng và Nghiên cứu với tổng giá trị Khoảng 2,3 tỷ ( Máy HPLC và Tủ ổn định)

1408  
3 TY  
DU  
HAR  
UAT

b) Các công ty con, công ty liên kết (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết: Tại thời điểm Báo cáo Thường niên 31/12/2019, CTCP Medipharco không có công ty Con và Công ty Liên kết!

#### 4. Tình hình tài chính:

##### a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm/ %
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản/Total asset	466 613 521 772	429 079 849 984	-8%
Doanh thu thuần/Net revenue	987 818 070 805	1 129 259 968 123	+14.3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities	10 186 122 407	9 665 267 590	-5.1%
Lợi nhuận khác/ Other profits	9 780 515	135 755 650	+1288%
Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	10 081 081 791	9 654 279 965	-4.2%
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	8 318 739 893	7 669 255 396	-7.8%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio	7.00%		

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất: Không có!

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2018/ Year 2018	Năm 2019/ Year 2019	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,0530	1,1569	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt	0,69	0,79	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2018/ Year 2018	Năm 2019/ Year 2019	Ghi chú/Note
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,88	0,81	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	7,24	4,26	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover:	6,83	8,96	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	6,66	8,38	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	2,12	2,63	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability:			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	0,0084	0,0067	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	0,15	0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	0,0103	0,0085	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

### a. Cổ phần:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Đầu năm 2019	31/12/2019	Ghi chú
1	Tổng số cổ phần:	Cổ phần	6.598.367	6.598.367	
2	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Cổ phần	3.993.767	6.593.767	
3	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật:	Cổ phần	2.604.600	4.600	
	Cổ phiếu quỹ	Thành viên	4.600	4.600	
	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 1 năm			Không	



- b. **Cơ cấu cổ đông:** Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2018	Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2019	Ghi chú
1	Cổ đông lớn ( $\geq 5\%$ )	%	42,82	57,67	SL Theo công bố của VSD tại ngày 31/12/2019
2	Cổ đông nhỏ ( $< 5\%$ )	%	57,18	42,33	
3	Cổ đông tổ chức	%	11,13%	10,53%	
4	Cổ đông cá nhân	%	88,87	89,47%	
5	Cổ đông trong nước		99,92	99,92	
6	Cổ đông nước ngoài		0,08	0,08	
7	Cổ đông Nhà nước		0%	0%	
8	Cổ đông khác			57,67	

- c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v: Không có!
- d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch:
- ↓ Số lượng cổ phiếu quỹ: 4.600 cổ phiếu
  - ↓ Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có!
- e. Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không có!

#### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Tổng số Nguyên phụ liệu đã sử dụng để sản xuất : ~184.640 kg:

+ NPL: 167.000 kg

- + Dịch chiết+Rượu+côn: 16.500 kg
- + Nang: 1.140 kg

- **Tổng số lượng Bao bì đóng gói trong sản xuất :**

- + PVC + Nhôm + màng co : 47.567 kg
- + Tube + Hộp + Toa + Thùng + Nhãn: 30.910.000 cái

**6.2. Tiêu thụ năng lượng: Điện**

a) Điện: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 1.065.400 KW/ năm

✓ Tiêu thụ điện trực tiếp cho sản xuất: 831 kw

✓ Tiêu thụ điện gián tiếp ( văn phòng): 234. Kw

b) Tiêu thụ nước:

❖ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước: Công ty cấp thoát nước tỉnh Thừa Thiên Huế

- Số lượng nước đã sử dụng: 14.133 m<sup>3</sup>

✓ Tiêu thụ điện trực tiếp cho sản xuất: 11.133 m<sup>3</sup>

✓ Tiêu thụ điện gián tiếp ( văn phòng): 3.000 m<sup>3</sup>

❖ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có!

c) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có!

d) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : Không có!

**6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có!

b) *Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có!*

**6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

✚ Số lao động trung bình trong năm 2019: 180 người

✚ Mức lương và thu nhập trung bình 2019: 7,9 triệu đồng/ tháng

SUP  
CÔ  
PH  
EDI  
77

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- ✚ Xây dựng & Ban hành & Sửa đổi Bộ quy chế doanh nghiệp để xác định quyền hạn- nghĩa vụ- quyền lợi của người lao động trong doanh nghiệp bao gồm: Thỏa ước lao động tập thể; Nội quy lao động; Quy chế Lương; Quy chế dân chủ;
- ✚ Kí kết hợp đồng lao động và thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn... theo đúng quy định hiện hành
- ✚ Áp dụng & ban hành chế độ bồi dưỡng độc hại; Thực hiện các quy định liên quan An toàn vệ sinh lao động, Phòng chống cháy nổ, Khám sức khỏe định kì
- ✚ Trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế theo NQ ĐHCĐTN hàng năm để chi cho các hoạt động văn thể mỹ, hiếu hi, nghỉ dưỡng, thưởng các cá nhân có đóng góp xây dựng & phát triển doanh nghiệp....

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- ✚ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: Trung bình # 1.200 giờ/năm
- ✚ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.
  - Đào tạo ban đầu về Hồ sơ tổng thể, nội quy quy định, GMP Công ty cho các nhân viên mới tuyển dụng
  - Đào tạo kỹ năng vận hành thiết bị sản xuất & Pha chế tại các xưởng .
  - Đào tạo tại các nội dung: GPs, đào tạo phần mềm quản lý mới cho nhân viên xuất-nhập, Kỹ năng quản trị, Phòng cháy chữa cháy. Gửi đi đào tạo về kiểm soát môi trường & vi sinh; tập huấn về Luật dược 2016 và Nghị định /Thông tư hướng dẫn Luật dược; tập huấn An toàn hóa chất... Cho gần 300 lượt người

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- ✚ Tham gia Ủng hộ các quỹ Xóa đói giảm nghèo, quỹ khám chữa bệnh cho bệnh nhân nghèo, Quỹ xây dựng nhà tình thương, Quỹ ủng hộ khắc phục cho đồng bào tại các vùng bị thiên tai, Trẻ em mồ côi
- ✚ Ủng hộ các hộ nghèo tại xã Phú Sơn- Huyện Hương Thủy theo phân công của UBND tỉnh
- ✚ Kết nghĩa với đồn biên phòng cửa khẩu Hồng Vân- Huyện A Lưới – TT Huế

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có!

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- ✚ Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất – KD năm 2019

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	TH năm 2018	KH năm 2019	TH năm 2019	So sánh %		
						1	2	3
1	Doanh Thu SX	Tr. đồng	96.840,7	109,309	110,250		113%	101%
2	Tổng giá trị bán ra	Tỷ đ	990,58	990.000	1,133		114%	Tổng giá trị bán ra

✦ Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Đ.V tính	Thực hiện Năm 2018	KH năm 2019	TH 2019	So sánh thực hiện/KH
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	990	990.000	1.133	114%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	-	10,081	12,5	9,654	78,72%
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1,76		1,985	
4	Chi phí thuế DN hoãn lại:		0	0	0	0
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	8,318	10,000	7,669	78,72%

✦ Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :

- Trong bối cảnh rất khó khăn như đã đề cập ở trên, Hội đồng quản trị đã tiếp tục đoàn kết phối hợp với Ban Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn , để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kì 3 (2015-2020).
- Tốc độ tăng trưởng về tổng doanh thu ổn định & Tăng trưởng qua các năm. Tuy nhiên lợi nhuận năm 2019 đạt 78,72% % kế hoạch năm là do các khó khăn khách quan như đã phân tích.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Thời gian	Tổng tài sản	Tài sản ngắn hạn	Tài sản dài hạn
-----------	--------------	------------------	-----------------

Y  
Ước  
RCO  
HIỆN

<i>Số đầu năm</i>	466 613 521 772	423 036 302 802	43 577 218 970
<i>Số cuối năm</i>	429 079 849 984	395 007 500 567	34 072 349 417

Số dư phải thu khách hàng cuối năm (31-12-2019) là 227 854 860 853 trong đó nợ quá hạn chưa đòi là 106 110 829 chiếm 0,0004 %. Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi là 106 110 829

**b) Tình hình nợ phải trả**

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Tại thời điểm 31/12/2019, nợ ngắn hạn là 341 436 245 670 chiếm 98,2% tổng nợ phải trả; Chủ yếu là nợ phải trả người bán và nợ vay ngân hàng ngắn hạn.

<i>Thời gian</i>	<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>Phải trả người bán</i>	<i>Vay Ngân hàng</i>
<i>Số đầu năm</i>	404 909 230 759	97 830 157 165	307 079 073 594
<i>Số cuối năm</i>	341 436 245 670	62 021 566 497	279 414 679 173

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

Trong năm, Công ty có phát sinh hoạt động nhập khẩu – xuất khẩu, xuất khẩu và có phát sinh ngoại tệ và ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá ngoại tệ là không đáng kể.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

**a. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

- ❖ Tiếp tục Triển khai thực hiện phương án tổ chức cơ cấu lại nhân sự các ĐV trực thuộc theo hướng giảm nhân sự lao động gián tiếp, tăng cường lao động trực tiếp SX-KD ; Thực hiện khoán lao động tại các CN đúng với PA hợp tác cơ cấu lại Sản xuất- Kinh doanh như đã áp dụng 2018
- ❖ Xây dựng Chính sách bán hàng và các chương trình Khuyến mãi; Xây dựng và khoán Doanh số- Chi phí- Kế hoạch Tài chính tại từng đơn vị và toàn công ty
- ❖ Đã cơ cấu lại hệ thống bán hàng bao gồm: Nhân viên QL & NVTT& CTV bán hàng khoán theo từng khu vực, từng thị trường
- ❖ Trả đủ Lương cơ bản cho người lao động theo đăng kí BHXH; Thu nhập của người lao động ổn định.
- ❖ Tiếp tục bổ sung, sửa đổi Quy chế quản lý kinh tế tài chính, quy chế trả lương, thỏa ước lao động cho phù hợp các quy định hiện hành

**b. Các biện pháp quản lý, kiểm soát:**

- ❖ HĐQT điều hành quản lý công tác Tài chính theo các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần.
- Đã quản lý công tác Tài chính theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần. Thực hiện quy định đã ban hành tại Bộ quy chế công ty,
- Ra các quyết định về Đầu tư tài sản, phê duyệt dự toán và quyết toán đầu tư trong công ty theo điều lệ hiện hành.
- Tiếp tục Chấn chỉnh- Kiểm tra việc thực hiện công tác báo cáo- kiểm tra định kì việc thực hiện các phương án kinh doanh- chính sách bán hàng ; Quy định chế độ thưởng- phạt- chế tài đối với khoản doanh số- Vốn bảo đảm và công nợ.
- Tiến hành thuê hợp đồng dịch vụ Kiểm toán báo cáo Tài chính năm 2018-2019 đúng quy định
- Sử dụng phần mềm quản lý kinh tế tài chính- Hàng hóa Asian nối mạng toàn bộ các đơn vị trực thuộc để tăng cường công tác quản lý, giám sát, phân tích kịp thời hiệu quả hoạt động của từng Chi nhánh và hệ thống bán hàng trực thuộc, từng hoạt động sản xuất, kinh doanh, hợp tác, xuất nhập khẩu...

❖ Công tác Quản lý Vốn Điều lệ và Vốn KD-SX:

- Vốn điều lệ công ty so với nhu cầu SX-KD thì rất thấp! Vì vậy hoạt động của công ty trên 80% dựa vào vốn vay của Ngân hàng thương mại. Tuy khó khăn và thiếu vốn nhưng HĐQT đã có những quyết sách – và quan trọng nhất là giữ được chữ “Tín” với các Ngân hàng để đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động SX-KD.
- Tăng cường quản lý thu hồi công nợ, Xây dựng chế tài thưởng/ phạt đối với Công nợ để bảo toàn nguồn vốn kinh doanh không bị thất thoát

c. Thực hiện lợi ích của Cổ đông:

- Đã chi trả cổ tức 2018 sau khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên biểu quyết thông qua đúng quy định
- Bảo đảm thực hiện đúng Quy chế và quyết định của Trung tâm lưu ký chứng khoán VN về thực hiện quyền cổ đông công khai- minh bạch trong Đại hội đồng CĐ thường niên và Chi trả cổ tức

d. Công tác khác:

- Hội đồng quản trị đã phối hợp với Ban TGD & BCH công đoàn tổ chức đại hội người lao động năm 2019 và năm 2020 đúng quy định hướng dẫn;

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

- a) Đầu tư Phát triển doanh nghiệp đáp ứng chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam





- b) Mở rộng Hợp tác đối tác mới có tiềm năng về Nhân lực quản lí- Vốn- Nghiên cứu phát triển sản phẩm - Danh mục hàng sản xuất... để hợp tác đầu tư vào Medipharco nhằm mục tiêu thay đổi SX toàn diện của Medipharco từ nhân sự - tổ chức SX- quản lí hạch toán- Thiết bị- Công suất dây chuyền- Cung ứng NPL .....
- c) Quản trị Nhân sự: Thay thế bổ nhiệm cán bộ chủ chốt của DN và các bộ phận liên quan hoạt động SX-KD-QLCL- Nghiên cứu PT sau khi bầu HĐQT nhiệm kì 4(2020-2025)
- d) Ưu tiên đầu tư nghiên cứu sản phẩm mới hợp lí theo hướng phát triển xây dựng chiến lược sản phẩm , mở rộng thị trường & thị phần phân phối ; Khai thác tối đa công suất sản xuất tại các dây chuyền ; Tăng công suất nhà máy nhằm tiết kiệm hạ giá thành trên nguyên tắc chất lượng SP phải bảo đảm; Bảo đảm giá thành nhóm hàng sản xuất tương tự đủ sức cạnh tranh như các nhà SX khác trên thị trường
- e) Có giải pháp quản trị tài chính để đáp ứng nhu cầu Vốn cho hoạt động SX-KD; Giảm tồn kho công nợ; Tăng hiệu quả lợi nhuận của DN; Bảo đảm sử dụng an toàn nguồn Vốn ;
- f) Xây dựng & củng cố Hệ thống mạng lưới kinh doanh phân phối trọng điểm tại Thành phố Hà nội- Hồ Chí Minh và tại tỉnh Thừa Thiên Huế.
- g) Phối hợp toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước để nghiên cứu phát triển sản phẩm; Hợp tác mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước Châu Phi; Đông nam Á...
- h) Nghiên cứu Hợp tác đầu tư thêm dây chuyền sản xuất tại Khu công nghiệp Phú Bài theo hướng đạt chuẩn quốc tế, phát triển nhóm sản phẩm công nghệ mới
- i) Xây dựng và phát triển Thương hiệu của doanh nghiệp
- j) Tiếp tục hợp tác có hiệu quả với đối tác chiến lược Tenamyd pharma về nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất và phân phối

**k) Chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2020:**

TT	Diễn Giải	Đơn vị	TH 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	Tỷ đồng	1.133	<b>900</b>	
1	Doanh thu sản xuất	Tỷ đồng	110,250	174	
2	Doanh thu kinh doanh	Tỷ đồng	1.023	726	
<b>II</b>	<b>Nộp ngân sách</b>	Tỷ đồng		Theo Luật	
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận:</b>				
1	Trước thuế	Tỷ đồng	9,65	<b>10</b>	
2	Sau thuế	Tỷ đồng	7,66	<b>8</b>	
<b>IV</b>	<b>Cổ tức</b>	%	10% (ĐHCĐ sẽ biểu quyết)	10%	
<b>V</b>	<b>Lao động theo định biên</b>	Người	<b>178</b>	<b>188</b>	Lao động thực tế kí HĐ: 178

010  
 ON  
 PHẢ  
 DIP  
 T T



TT	Diễn Giải	Đơn vị	TH 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
VI	Lương bình quân	Tr/ng/t háng	7	7	Theo LĐ định biên
VII	Thu nhập bình quân		7,9	7,7	Theo LĐ thực tế

5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):** Không có!

6. **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.**

a. **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):** Thực hành tiết kiệm điện, Nước; Tuân thủ các quy định liên quan Vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường

b. **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:** Đã bảo đảm việc làm, đời sống, thu nhập, phát huy quyền dân chủ của người lao động; Thực hiện đúng & đủ các quy định liên quan đến nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo Luật định

c. **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:** Đã tham gia và làm tốt nghĩa vụ của Doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

#### IV. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty** (đối với công ty cổ phần)

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:**

- Tốc độ tăng trưởng về tổng doanh thu ổn định qua các năm.
- Lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 78,72% so với kế hoạch dự kiến do quá nhiều khó khăn khách quan
- Nộp Ngân sách theo đúng luật định
- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước, cộng đồng địa phương, bảo vệ môi trường

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

- ✦ Ban tổng giám đốc đã Thực hiện đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- ✦ Đã thực hiện ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo đúng Điều lệ và pháp luật hiện hành
- ✦ Đã kiến nghị với HDQT xây dựng cơ cấu tổ chức, nhân sự bộ máy, quy chế quản lý nội bộ Công ty. Đã tiến hành Bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, cách chức

các chức danh quản lý trong Công ty (trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức) theo đúng quyền hạn đã quy định; Xây dựng và ban hành mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động với tất cả cán bộ công nhân viên trong Công ty kể cả Người quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

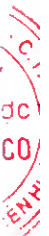
- ✦ Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng tháng/ quý/ 9 tháng của năm 2019 và xây dựng chỉ tiêu kế hoạch của năm 2020 để trình hội đồng quản trị phê chuẩn. Mở Hội nghị người lao động để Triển khai kế hoạch năm sau sớm nhất có thể.
- ✦ Ban Tổng giám đốc đã thực thi kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✦ Ban TGD đã thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động kí với người lao động.
- ✦ Ban Tổng giám đốc đã phối hợp tốt với Ban chấp hành công đoàn và các đoàn thể chính trị trong doanh nghiệp xây dựng và thực hiện đúng Thỏa ước lao động, Nội quy lao động, Quy chế Lương, Quy chế quản lý kinh tế tài chính, Quy chế khen thưởng, kỉ luật... để bảo vệ lợi ích chính đáng, hài hòa của người lao động, lợi ích của cổ đông và của nhà nước
- ✦ Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng quy định về báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao; Báo cáo định kì và đột xuất theo yêu cầu cho các cơ quan quản lý nhà nước theo đúng quy định hiện hành

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- ✦ Đầu tư Phát triển doanh nghiệp đáp ứng chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam theo Mục tiêu và định hướng của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kì 4( 2020-2025) và ĐHCĐTN 2020
- ✦ Kiện toàn bầu lại Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát nhiệm kì 4 để đủ năng lực quản lý điều hành doanh nghiệp theo các Mục tiêu – Định hướng phát triển trung và dài hạn
- ✦ Xây dựng và phát triển Thương hiệu của doanh nghiệp
- ✦ Bổ sung sửa đổi & Kiện toàn và Thực hiện Quy chế Quản trị nội bộ của Doanh nghiệp

## V. Quản trị công ty.

### 1. Hội đồng quản trị.



- a) **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:** (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:

- ✦ Thành viên và cơ cấu tại thời điểm 31/12/2019: Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên -Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành, 04 thành viên trực tiếp điều hành công ty

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh là TVHĐQT tại công ty khác
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1,29	0
2	Bà: Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc phụ trách SX	2,4	Không
3	Ông: Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	3,62	Không
4	Ông Tôn Thất Tâm	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc - TP.KDĐT	0,70	Không
5	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành trực tiếp)	15,17	Không

- ✦ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không phân tiểu ban mà phân công trực tiếp cho từng thành viên HĐQT!

b) **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- ✦ HĐQT đã tuân thủ quy định tại Điều lệ về việc tổ chức họp và ban hành Nghị quyết. HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ và đột xuất, có sự tham dự mở rộng của Ban kiểm soát để ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Phương án, giải pháp điều hành quản lý hoạt động của công ty cổ phần.
- ✦ **Cụ thể: 2019: Đã Ban hành Nghị quyết về:**
- ❖ Thông qua các nội dung liên quan tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
  - ❖ Thông qua các báo cáo công bố thông tin; Thông báo kết quả kiểm toán BCTC 2018.
  - ❖ Nghị quyết v/v Thưởng cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Thư kí HĐQT

- ❖ Nghị quyết v/v hạn mức vay và uỷ quyền cho CTHĐQT kiêm TGD được đại diện cho công ty ký các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp, hợp đồng cầm cố, hợp đồng bảo lãnh và các giấy tờ giao dịch có liên quan tại Ngân hàng CPTM Ngoại thương Việt nam- CN Huế; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội chi nhánh Bắc Sài Gòn & CN Huế ; Ngân hàng Thương mại Đầu tư phát triển ( Vietinbank) .
- ❖ Nghị quyết v/v phê duyệt Chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 để trình ra ĐHCĐTN 2020
- c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập : Không có thành viên HĐQT độc lập do NĐ 71/NĐ-CK mới ban hành; Đồng thời công ty là đại chúng nhưng không phải là công ty niêm yết trên sàn chứng khoán!
- d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 04
  - ↓ Phan Thị Minh Tâm
  - ↓ Nguyễn Minh Ngọc
  - ↓ Nguyễn Thị Kim Dung
  - ↓ Tôn Thất Tâm

## 2. Ban Kiểm soát.

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên tại thời điểm 31/12/2019

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Ông Hoàng Ngọc Hoài Phong	Trưởng ban Kiểm soát - Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh	8,39
Ông: Trần Duy Minh	Thành viên BKS – Giám đốc chi nhánh Hà nội	1,77
Ông: Nguyễn Văn Thê	Thành viên Ban KS – Giám đốc Chất lượng	0,25

- b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- ↓ Với chức năng - nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Trên cơ sở đó, từng thành viên luôn bám sát tình hình thực tế để giám sát hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc, cũng như xem xét tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và tính cẩn trọng trong quản lý, điều hành Công ty.
- ↓ Trên cơ sở nắm bắt tình hình thực tế, Ban kiểm soát tiến hành họp và đề xuất những kiến nghị cho HĐQT, cổ đông để sửa đổi, bổ sung nếu thấy chưa hợp lý.
- ↓ Được mời tham dự các cuộc họp HĐQT mở rộng

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

#### a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

##### ↓ Thù lao & Lợi ích khác của HĐQT & Ban KS:

STT	Thành viên HĐQT, BKS	Chức danh	DVT: đồng VN	
			Thù lao (Chưa khấu trừ thuế TNCN)	Lợi ích khác: Tiền thưởng theo NQĐHĐCĐ 2019 (Chưa khấu trừ thuế TNCN)
1	Bà Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch HĐQT	96 000 000	25,000,000
2	Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên HĐQT kiêm Thư kí	48 000 000	24,000,000
3	Ông Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	48 000 000	24,000,000
4	Ông Tôn Thất Tâm	Thành viên HĐQT	48 000 000	24,000,000
5	Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT	32 000 000	25,000,000
6	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Trưởng BKS	36 000 000	20.000.000
7	Ông: Trần Duy Minh	Thành viên BKS	12 800 000	5.000.000
8	Ông: Nguyễn Văn Thế	Thành viên BKS	12 800 000	5.000.000
	<b>Cộng</b>		<b>334 000 000</b>	<b>155. 000 000</b>

↓ Thu nhập của Tổng giám đốc năm 2019: Lương & Thưởng & Thù lao HĐQT: 493.195.000 đ, đã bao gồm lợi ích khác.

↓ Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 05

↓ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2019		Cuối năm 31/12/2019	
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch	85.403	1,29	85.403	1,29
2	Bà: Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên	158.382	2,4	158.382	2,4
3	Ông: Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên	239.128	3,62	239.128	3,62
4	Ông Tôn Thất Tâm	Thành viên	45.953	0,70	45.953	0,70

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2019		Cuối năm 31/12/2019	
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %
5	Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	1.001.059	15,17	1.001.059	15,17

b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Đến thời điểm 31/12/2019: Không có!

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

- ↓ Thông tin về các giao dịch cổ phiếu công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:
  - Của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát: Không có!
  - Giao dịch cổ phiếu của những người liên quan Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát : Không có!
- ↓ Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:
  - Kí hợp đồng , giao dịch huy động vốn cá nhân – trong đó có thành viên HĐQT- Ban TGD- Ban Kiểm soát có tổng giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty

d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.**

↓ **Hoạt động quản trị công ty:**

❖ **Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:** Thông qua:

- Bộ quy chế hoạt động của công ty đã ban hành; Bổ sung các quy định liên quan hàng năm.
- Ban hành Kế hoạch tổng thể và chi tiết từng nội dung kế hoạch năm 2019- làm cơ sở cho Ban TGD và các Hội đồng chuyên môn hoạt động và điều hành quản lí
- Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết HĐQT của Ban TGD
- Kiểm tra việc thực hiện các quyết định ủy quyền của HĐQT đối với Tổng giám đốc trong lĩnh vực vay tín dụng và hợp đồng mua – bán
- Kiểm tra giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019

❖ **Tăng cường công tác Giám sát và Kiểm tra hoạt động của Ban TGD thông qua:**

- Báo cáo quyết toán tài chính từng quý và kế hoạch quý sau
- Đánh giá – Phân tích Hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh- quản lí sử dụng vốn....

136  
GT  
NDI  
HAI  
137



- Tìm nguyên nhân tồn tại bất cập? Phân tích nguyên nhân khách quan? Chủ quan? Trách nhiệm liên quan của Tổng GD và Ban TGD?
- Tìm phương án- giải pháp giải quyết tồn tại bất cập
- Chỉ đạo – Phân công cụ thể từng thành viên trong Ban TGD phụ trách từng lĩnh vực chuyên môn
- Thăm dò dư luận đánh giá hoạt động Ban TGD thông qua các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Dư luận cổ đông và người lao động trong đơn vị.
- Xem xét, phê duyệt và ban hành các kế hoạch năm 2017 để Ban tổng giám đốc triển khai thực hiện.

❖ Hoạt động của các tiểu ban:

- HĐQT không xây dựng mô hình hoạt động của các tiểu ban do số lượng ít: 5 thành viên) mà phân công nhiệm vụ theo chức năng quản trị của HĐQT cho từng thành viên
- Cụ thể:

TT	Nội dung/Tên Tiểu ban	TVHĐQT đặc trách	TVHĐQT phối hợp chính	TVHĐQT tham gia góp ý
1	Điều hành toàn bộ hoạt động HĐQT	CTHĐQT (DS Tâm)	Các TV	Các TV
2	Cơ cấu tổ chức, nội quy, quy chế quản lý nội bộ Công ty	CTHĐQT	DS Dung KS. Ngọc	TVHĐQT
3	Hoạt động Báo cáo- Quyết toán- Kiểm toán Tài chính; Quản lý Vốn	Ks. Ngọc	CN.Hoàng	TVHĐQT
4	Hoạt động Kinh doanh- XNK& Phát triển thị trường	CTHĐQT	A. Tâm CN.Hoàng	TVHĐQT
5	Hoạt động sản xuất	DS.Dung	A. Tâm	TVHĐQT
6	Hoạt động Quản lý Hệ thống chất lượng Sản xuất- Kinh doanh ( GPs& HS& ATVSTP...)	DS.Dung	A. Tâm	TVHĐQT
7	Đầu tư và khoa học công nghệ	CTHĐQT	TVHĐQT	TVHĐQT
8	Quản lý phân vốn của TCTDVN-CTCP theo UQ	DS.Dung	DS.Tâm KS.Ngọc	
9	Quản lý cổ đông Giao dịch & Công bố thông tin Chứng khoán	DS.Dung	A. Ngọc, BKS(a. Phong)	TVHĐQT Cty chứng khoán!
10	Hoạt động Tư pháp ( Cập nhật & Báo cáo& Đề xuất xử lý đề HĐQT chỉ đạo định hướng phát triển DN, thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của NN và Bộ Ngành liên quan)- Trong đó:			

100%  
HIỆN



TT	Nội dung/Tên Tiểu ban	TVHĐQT đặc trách	TVHĐQT phối hợp chính	TVHĐQT tham gia góp ý
a/	* Về Chứng khoán * Về lao động & BHXH	CTHĐQT	DS Dung	TVHĐQT
b/	* Về Luật Dược & ND & TT hướng dẫn Luật dược * Tiêu chuẩn liên quan GPs- GMP HS ATVSTP ISO	DS Dung	TVHĐQT	TVHĐQT
c/	* Về SX-KD chung	a. Tâm	TVHĐQT	TVHĐQT
d/	* Về Tài chính- Kế toán- Kiểm toán- Thuế- Ngân hàng	a. Ngọc	CN.Hoàng	TVHĐQT
10	Hợp tác đối tác chiến lược	CTHĐQT	CN.Hoàng a. Tâm	TVHĐQT
11	Các nội dung khác theo Điều lệ công ty	CTHĐQT	TVHĐQT	TVHĐQT

#### ✦ **Kết quả Giám sát của HĐQT đối với hoạt động của công ty:**

- ❖ HĐQT điều hành quản lý công tác Tài chính theo các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần.
  - Đã quản lý công tác Tài chính theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần. Thực hiện quy định đã ban hành tại Bộ quy chế công ty,
  - Ra các quyết định về Đầu tư tài sản, phê duyệt dự toán và quyết toán đầu tư trong công ty theo điều lệ hiện hành.
  - Tiếp tục Chẩn chỉnh- Kiểm tra việc thực hiện công tác báo cáo- kiểm tra định kì việc thực hiện các phương án kinh doanh- chính sách bán hàng ; Quy định chế độ thưởng- phạt- chế tài đối với khoản doanh số- Vốn bảo đảm và công nợ.
  - Tiến hành thuê hợp đồng dịch vụ Kiểm toán báo cáo Tài chính năm 2018,2019 đúng quy định
  - Công ty đã thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo đúng tiến độ và quy định hiện hành
  - Cài đặt phần mềm quản lý kinh tế tài chính- Hàng hóa Asian nối mạng toàn bộ các đơn vị trực thuộc để tăng cường công tác quản lý, giám sát, phân tích kịp thời hiệu quả hoạt động của từng Chi nhánh và hệ thống bán hàng trực thuộc, từng hoạt động sản xuất, kinh doanh, hợp tác, xuất nhập khẩu...
- ❖ **Công tác Quản lý Vốn Điều lệ và Vốn KD-SX:**
  - Vốn điều lệ công ty sau phát hành cổ phiếu thường từ vốn chủ sở hữu đã tăng lên là **65.983.670.000 VNĐ**, nhưng nguồn vốn chủ sở hữu so với nhu cầu SX-KD thì rất thấp! Vì vậy hoạt động của công ty trên 80% dựa vào vốn vay của Ngân hàng thương mại. Tuy khó khăn và thiếu vốn nhưng

- HĐQT đã có những quyết sách – và quan trọng nhất là giữ được chữ “Tín” với các Ngân hàng để đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động SX-KD.
- Tăng cường quản lý thu hồi công nợ, Xây dựng chế tài thưởng/ phạt đối với Công nợ để bảo toàn nguồn vốn kinh doanh không bị thất thoát
  - ❖ **Công tác tổ chức - nhân sự - Đào tạo và xây dựng màng lưới kinh doanh:**  
HĐQT đã ra các Nghị quyết làm cơ sở cho Ban Tổng giám đốc thực hiện công tác:
    - Triển khai thực hiện phương án tổ chức cơ cấu lại nhân sự các ĐV trực thuộc theo hướng giảm nhân sự lao động gián tiếp, tăng cường lao động trực tiếp SX-KD ; Thực hiện khoán lao động tại các CN đúng với PA hợp tác cơ cấu lại
    - Tập trung đầu tư Đào tạo nâng cao trình độ Quản lý cho đội ngũ cán bộ chủ chốt ; Đào tạo chuyên môn kỹ thuật và các quy định về GPs; Đào tạo và áp dụng công nghệ thông tin trong Quản lý điều hành- Quản lý SX-KD; Đào tạo tập huấn bảo đảm An toàn vệ sinh lao động- Phòng cháy chữa cháy....theo luật định
    - Tiếp tục bổ sung hoàn thiện các Nội quy- quy chế hoạt động và Bộ quy chế của công ty.
  - ✦ **Thực hiện lợi ích của Cổ đông:**
    - Đã chi trả cổ tức 2018 sau khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên biểu quyết thông qua đúng quy định
    - Bảo đảm thực hiện đúng Quy chế và quyết định của Trung tâm lưu ký chứng khoán VN về thực hiện quyền cổ đông công khai- minh bạch trong Đại hội đồng CĐ thường niên và Chi trả cổ tức
  - ✦ **Công tác khác:**
    - Hội đồng quản trị đã phối hợp với BCH đảng ủy, BCH công đoàn tiếp tục thực hiện: Quy chế dân chủ trong công ty cổ phần, Quy chế phối hợp hoạt động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy ước xây dựng cơ quan đạt chuẩn Văn hóa, tổ chức đại hội người lao động năm 2019 và năm 2020 đúng quy định hướng dẫn;
    - Thực hiện các công tác xã hội tại cộng đồng địa phương như: tiếp tục hỗ trợ nuôi dưỡng Bà mẹ VNAH, góp quỹ vì người nghèo - quỹ xây dựng nhà tình thương, Quỹ Vòng tay nhân ái cho bệnh nhân nghèo, Quỹ ủng hộ đồng bào bị thiên tai bão lụt ; Giúp đỡ xã nghèo Phú Sơn; Xây nhà tình nghĩa; Kết nghĩa đồn biên phòng cửa khẩu Hồng Vân- A Lưới....
    - Hội đồng quản trị đã tạo mọi điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm tra giám sát mọi hoạt động của HDDQT và Cổ đông theo đúng quy định của Điều lệ.

## VI. **Báo cáo tài chính:**

### 1. **Ý kiến kiểm toán:**

*Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Medipharco tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế*



toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

### a. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD 2019:

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm 2018	Năm 2019
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	990 583 233 741	113 424 003 645
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	2 765 162 936	4 164 035 522
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	987 818 070 805	1 129 259 968 123
4.	Giá vốn hàng bán	11	932 345 147 918	1 061 630 967 397
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	55 472 922 887	67 629 000 726
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	16 681 510 931	2 011 970 698
7.	Chi phí tài chính	22	36 116 042 058	22 501 159 277
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	23 010 245 462	22 408 259 301
8.	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	18 172 952 698	25 120 060 049
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7 679 316 655	12 354 484 509
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26) + 24}	30	10 186 122 407	9 665 267 590
12.	Thu nhập khác	31	9 780 515	135 755 650
13.	Chi phí khác	32	114 821 131	146 746 275
14.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	- 105 040 616	-10 987 625
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	10 081 081 791	9 654 279 965
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1 762 341 898	1 985 024 569
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	8 318 739 893	7 669 255 396

**b. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đến 31-12-2019):**

TT	TÀI SẢN	Mã số	31/12/2018	01/01/2019
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>423,036,302,802</b>	<b>395 007 500 567</b>
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	20,694,062,203	7 373 139 587
1.	Tiền	111	20,694,062,203	7 373 139 587
2.	Các khoản tương đương tiền	112	-	
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	10,544,579,547	26 646 670 000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	-	
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-	
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10,544,579,547	26 646 670 000
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>242,181,070,517</b>	<b>227 854 860 853</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	186,558,313,785	225 290 480 095
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	55,265,844,190	1 373 246 525
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	490,847,741	1 297 245 062
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(133,935,199)	(106 110 829)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>144,996,798,233</b>	<b>126 550 836 388</b>
1.	Hàng tồn kho	141	144,996,798,233	126 550 836 388
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>4,619,792,302</b>	<b>6 581 993 739</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	254,886,790	295 462 463
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	4,283,958,538	6 268 124 776
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	80,946,974	18 406 500
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155	-	
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>43,577,218,970</b>	<b>34 072 349 417</b>
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210	-	
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	

10  
INC  
HAI  
JIP

5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	
6.	Phải thu dài hạn khác	216	-	
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>19,577,218,970</b>	<b>33 882 482 685</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	19,577,218,970	33 882 482 685
	- Nguyên giá	222	41,274,425,014	81 970 133 742
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(21,697,206,044)	(48 087 651 057)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	
	- Nguyên giá	225	-	
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	
3.	Tài sản cố định vô hình	227	-	
	- Nguyên giá	228	517,186,800	
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(517,186,800)	
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	- Nguyên giá	231	-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241	-	
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	
<b>V.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>24,000,000,000</b>	<b>-</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251	-	
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	24,000,000,000	
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-	
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>-</b>	<b>189 866 732</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	-	
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	
4.	Tài sản dài hạn khác	268	-	
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>466,613,521,772</b>	<b>429 079 849 984</b>
	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>31/12/2018</b>	
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>409,962,707,939</b>	<b>347 436 245 670</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>401,754,794,759</b>	<b>341 436 245 670</b>
1.	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	86,111,146,516	52 904 386 345
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1,881,308,142	2 488 608 441
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1,115,461,110	1 323 623 527
4.	Phải trả người lao động	314	2,361,297,241	826 261 246
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1,967,755,662	1 427 875 050

406  
 TY  
 DUC  
 IARI  
 TH

6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	544,769,782	857 470 042
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	555,285,480	1 630 287 985
0.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	307,079,073,594	279 414 679 173
1.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	
2.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	138,697,232	563 053 861
3.	Quỹ bình ổn giá	323	-	
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>8,207,913,180</b>	<b>6 000 000 000</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	-	
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	-	
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	
7.	Phải trả dài hạn khác	337	-	
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	8,207,913,180	6 000 000 000
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339	-	
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340	-	
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>56,650,813,833</b>	<b>81 643 604 314</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>56,650,813,833</b>	<b>81 643 604 314</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	39,983,670,000	65 983 670 000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	39,983,670,000	65 983 670 000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	4,000,000	4 000 000
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414	1,477,728,123	1 477 728 123
5.	Cổ phiếu quỹ	415	(92,000,000)	(92 000 000)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	531,833,143	1 472 534 336
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	
0.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	3,029,149,885	4 703 793 790
1.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	11,716,432,682	8 093 878 065
	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	3,397,692,789	424 596 669
	LNST chưa phân phối năm nay	421b	8,318,739,893	7 669 281 396
2.	Nguồn vốn đầu tư XD CB	422	-	
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



1.	Nguồn kinh phí	431	-	
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>466,613,521,772</b>	<b>429 079 849 984</b>

Huế, ngày 1 tháng 4 năm 2020

**CHỦ TỊCH HĐQT****Nơi gửi**

- UBCK Nhà nước (hệ thống IDS và bản cứng)
- Sở GD&ĐT Hà Nội (hệ thống CIMS và bản cứng)
- HĐQT, BKS
- Đăng tải trên Web Công ty

**D.S. PHAN THỊ MINH TÂM**